

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-02-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Hoà Hiệp;
- Ông Đinh Xuân Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thuý Danh -Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ tạm trú: Nhà hàng R, tổ dân phố 1, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn P, sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh P vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 18/8/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:*

Tôi và ông Phạm Văn P qua tìm hiểu, quen biết và đăng ký kết hôn ngày 23/07/2009 tại UBND xã Ba Cung, huyện Ba Tơ. Lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, anh P hay uống rượu, không quan tâm đến kinh tế gia đình và vợ con, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ nhưng anh P vẫn không thay đổi mà ngày càng nhậu nhẹt nhiều hơn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mong Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Phạm Văn P.

Về con chung: Tôi và ông P có hai người con chung tên là Phạm Thị K, sinh ngày 20/12/2008 và Phạm Thị L, sinh ngày 25/7/2015. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi hai con chung K và L và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Văn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh Phạm Văn P từ chối nhận tất cả các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt và anh P không có ý kiến gì. Do đó, Tòa án không có cơ sở để đánh giá ý kiến của anh P.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203, 220, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn P.

Về con chung: Đề nghị giao con chung cháu Phạm Thị K, sinh ngày 20/12/2008 và cháu Phạm Thị L, sinh ngày 25/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phạm Văn P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Bị đơn anh Phạm Văn P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do; Chị Phạm Thị T vắng mặt lần thứ 2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ theo khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ba Cung, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi là hôn nhân hợp pháp. Chị T trình bày cuộc sống chung của chị và anh P phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn và hiện nay đã sống ly thân từ năm 2020 đã được hơn 3 năm. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh P nhưng kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay anh P không đến Tòa án để trình bày ý kiến.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác nhận hộ khẩu thường trú của anh P vẫn còn đăng ký tại thôn Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án

đã thông báo cho anh P biết về các yêu cầu khởi kiện của chị T tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ. Mặc dù đã được cán bộ Tòa án và trưởng thôn G, xã B giải thích, phân tích rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình nhưng anh P vẫn không có ý kiến gì, chứng tỏ anh P không quan tâm đến việc mâu thuẫn giữa vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn và sửa đổi. Hai bên đã ly thân từ năm 2020, điều đó chứng tỏ chị T và anh P đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Cháu Phạm Thị K, sinh ngày 20/12/2008 và cháu Phạm Thị L, sinh ngày 25/7/2015, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi hai con chung K và L và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cho cháu K và cháu L có môi trường sống ổn định, cần giao cháu K và cháu L cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của hai cháu. Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị T trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 227, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn P
2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Thị K, sinh ngày 20/12/2008 và cháu Phạm Thị L, sinh ngày 25/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Anh Phạm Văn P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000303 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 27/02/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- UBND xã Ba Cung, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Ngoan

